

TÌM HIỂU SỰ THÍCH ỨNG XÃ HỘI CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG TẠI TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Vân

Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG-HCM

vannguyenpsy@gmail.com

Ngày nhận bài: 27/01/2015; Ngày duyệt đăng: 24/4/2015

TÓM TẮT

Học sinh tiểu học hiện nay còn hạn chế về sự thích ứng xã hội cũng như gặp nhiều khó khăn trong việc thích ứng hòa nhập với môi trường lớp học để thành công học đường. Sự thích ứng này có quan hệ với nhiều yếu tố trong đó có các yếu tố: kết quả học tập, sự phát triển trí tuệ, giới tính, hoàn cảnh gia đình, độ tuổi của các em và có liên quan tới các tác động tâm lý- sư phạm của giáo viên trong quá trình dạy học. Nếu giáo viên có các biện pháp tác động thích hợp sẽ nâng cao sự thích ứng kỹ năng xã hội, giúp cho học sinh phát triển toàn diện và thành công hơn trong học đường.

Từ khóa: sự thích ứng, học đường, học sinh tiểu học, thích ứng xã hội.

ABSTRACT

An investigation into primary school pupils' adaptation to academic settings in Tan Phu District, Ho Chi Minh City

Primary school pupils' adaptation to society remains limited and they also encounter a vast number of difficulties adapting to the classroom environment for academic success. This adaptation is influenced by many factors, including academic achievements, intelligence development, gender, family background, age and teachers' psychological impacts in the classroom performance. If teachers have the appropriate measures, pupils' adaptation and socializing skills will be enhanced so that they can develop more comprehensively and gain more achievements at school.

Keywords: adaptation, school, elementary school pupils, social adaptation.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, một số các em học sinh tiểu học được cha mẹ quan tâm rất nhiều đến việc giáo dục, tuy nhiên các bậc phụ huynh thường chú trọng đến việc con em mình có được học lực giỏi hay không, nghĩa là chỉ quan tâm đến vấn đề giáo dục kiến thức mà quên đi sự quan tâm đến vấn đề giáo dục kỹ năng cho các em. Một số em học rất tốt nhưng đôi khi các em chưa có cách ứng xử tốt trong cuộc sống hàng ngày với người thân trong gia đình hay với bạn bè và thầy cô giáo ở trường, các em thiếu hụt sự hiểu biết về môi trường xung quanh, ứng xử cần thiết trong cuộc sống. Do đó, việc chuẩn bị cho học sinh tiểu học một khả năng thích ứng với môi trường nhà trường và môi trường xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng. Môi trường nhà trường đối với học sinh lứa tuổi tiểu học có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của trẻ, có vị trí then chốt trong toàn bộ cuộc đời trẻ. Cuộc sống của trẻ đòi hỏi một cách căn bản với những yêu cầu đòi hỏi của cuộc sống mới-cuộc sống nhà trường. Vì vậy để đời sống tâm lý của trẻ phát triển tốt và học tập có hiệu quả, trẻ phải có sự thích ứng với một số kỹ năng xã hội như: kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm; kỹ năng

đồng cảm; kỹ năng kiềm chế, tự kiểm soát cảm xúc; kỹ năng giải quyết vấn đề,... Có rất nhiều các kỹ năng xã hội khác nhau nhưng chúng tôi chọn một số các kỹ năng trên vì nó phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ tiểu học. Nếu không thích ứng được trẻ em sẽ không hoàn thành tốt các nhiệm vụ học, chán học, không muốn đi học ảnh hưởng đến sự phát triển về mặt nhận thức của các em. Vấn đề tâm lý của học sinh đã được nghiên cứu trên nhiều bình diện khác nhau: bản chất tâm lý của quá trình học tập, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, khả năng thích ứng với hoạt động học tập của học sinh tiểu học,... Song việc nghiên cứu sự thích ứng xã hội của học sinh trong nhà trường tiểu học đang là một trong những vấn đề nóng của xã hội ta ngày nay. Chính vì vậy, chúng tôi nghiên cứu về “*Tìm hiểu sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học trên địa bàn Quận Tân Phú, TP.HCM*”.

Mục tiêu: Tìm hiểu thực trạng sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp nhằm giúp cho học sinh tiểu học có sự thích ứng xã hội tốt hơn. **Nội dung:** Tìm hiểu khái niệm sự thích ứng và thích ứng xã hội của học sinh tiểu học nhằm định hướng cho

việc nghiên cứu; Phát hiện thực trạng sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học và các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến sự thích ứng đó; Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận, thực trạng và những yếu tố có liên quan, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học trong nhà trường hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tìm hiểu các sách, báo, tài liệu lý luận liên quan đến đề tài.

Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:* Sử dụng bảng hỏi cho học sinh và giáo viên tiểu học nhằm đánh giá được thực trạng sự thích ứng kỹ năng xã hội của học sinh tiểu học. *Phương pháp phỏng vấn:* phỏng vấn một số học sinh tiểu học về một số kỹ năng xã hội. Xin ý kiến chuyên gia về kỹ năng thích ứng xã hội của học sinh tiểu học. *Phương pháp quan sát:* quan sát trực tiếp và ghi chép thông qua các hoạt động trong và ngoài trường của học sinh tiểu học. *Phương pháp thống kê toán học:* sử dụng chương trình SPSS để xử lý số liệu đã thu thập được.

3. Cơ sở lý luận

Khái niệm thích ứng: thuật ngữ “thích ứng” tiếng Anh là adapt, adaptation. Trong từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “thích ứng” là có những thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới, yêu cầu mới. *Khái niệm thích ứng xã hội:* Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích và khái quát hóa những văn bản lý luận có liên quan đến đề tài, chúng tôi đưa ra khái niệm về thích ứng xã hội sau: Thích ứng xã hội là quá trình con người lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội - lịch sử bằng hoạt động tích cực của mình, điều khiển, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh biến đổi của xã hội.

Đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học

Đặc điểm về hoạt động và môi trường sống

Hoạt động của học sinh tiểu học: Nếu như ở bậc mầm non hoạt động chủ đạo của trẻ là vui chơi, thì đến tuổi tiểu học hoạt động chủ đạo của trẻ đã có sự thay đổi về chất, chuyển từ hoạt động vui chơi sang hoạt động học tập. Tuy nhiên, song song với hoạt động học tập ở các em còn diễn ra các hoạt động khác như: *Hoạt động vui chơi:* trẻ thay đổi đối tượng vui chơi từ chơi với đồ vật sang các trò chơi vận động; *Hoạt động lao động:* trẻ bắt đầu tham gia lao

động tự phục vụ bản thân và gia đình như tắm giặt, nấu cơm, quét dọn nhà cửa,... Ngoài ra, trẻ còn tham gia lao động tập thể ở trường lớp như trực nhật, trồng cây, trồng hoa,... *Hoạt động xã hội:* Các em đã bắt đầu tham gia vào các phong trào của trường, của lớp và của cộng đồng dân cư, của Đội thiếu niên tiền phong,...

Những thay đổi vị thế của học sinh tiểu học: *Trong gia đình:* Các em luôn cố gắng là một thành viên tích cực, có thể tham gia các công việc trong gia đình. Điều này được thể hiện rõ nhất trong các gia đình neo đơn, hoàn cảnh, các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn,... các em phải tham gia lao động sản xuất cùng gia đình từ rất nhỏ; *Trong nhà trường:* Do nội dung, tích chất, mục đích của các môn học đều thay đổi so với bậc mầm non đã kéo theo sự thay đổi ở các em về phương pháp, hình thức, thái độ học tập. Các em được đòi hỏi phải tập trung chú ý và có ý thức học tập tự giác hơn; *Ngoài xã hội:* các em đã tham gia vào một số các hoạt động xã hội mang tính tập thể (đôi khi tham gia tích cực hơn cả trong gia đình). Đặc biệt là các em muốn thừa nhận mình là người lớn, muốn được nhiều người biết đến mình.

Sự phát triển của quá trình nhận thức (sự phát triển trí tuệ)

Nhận thức cảm tính: Các cơ quan cảm giác: Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác đều phát triển và đang trong quá trình hoàn thiện. Tri giác của học sinh tiểu học mang tính đại thể, ít đi vào chi tiết và mang tính không ổn định: ở đầu tuổi tiểu học tri giác thường gắn với hành động trực quan, đến cuối tuổi tiểu học tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích quan sát các sự vật hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn, tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng - Tri giác có chủ định (trẻ biết lập kế hoạch học tập, biết sắp xếp công việc nhà, biết làm các bài tập từ dễ đến khó,...)

Nhận thức lý tính: Tư duy: Tư duy mang đậm màu sắc xúc cảm và chiếm ưu thế ở tư duy trực quan hành động. Các phẩm chất tư duy chuyển dần từ tính cụ thể sang tư duy trừu tượng khái quát. Khả năng khái quát hóa phát triển dần theo lứa tuổi, lớp 4, 5 bắt đầu biết khái quát hóa lý luận. Tuy nhiên, hoạt động phân tích, tổng hợp kiến thức còn sơ đẳng ở phân đông học sinh tiểu học. Tưởng tượng: Tưởng tượng của học sinh tiểu học đã phát

triển phong phú hơn so với trẻ mầm non nhờ có bộ não phát triển và vốn kinh nghiệm ngày càng dày dặn. Tuy nhiên, tưởng tượng của các em vẫn mang một số đặc điểm nổi bật sau: Ở đầu tuổi tiểu học thì hình ảnh tưởng tượng còn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi. Ở cuối tuổi tiểu học, tưởng tượng tái tạo đã bắt đầu hoàn thiện, từ những hình ảnh cũ trẻ đã tái tạo ra những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo tương đối phát triển ở giai đoạn cuối tuổi tiểu học, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, làm văn, vẽ tranh,... Đặc biệt, tưởng tượng của các em trong giai đoạn này bị chi phối mạnh mẽ bởi các xúc cảm, tình cảm, những hình ảnh, sự việc, hiện tượng đều gắn liền với các rung động tình cảm của các em.

- Ngôn ngữ và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học: Hầu hết học sinh tiểu học có ngôn ngữ nói thành thạo. Khi trẻ vào lớp 1 bắt đầu xuất hiện ngôn ngữ viết. Đến lớp 5 thì ngôn ngữ viết đã thành thạo và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau.

- Chú ý và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học: Ở đầu tuổi tiểu học chú ý có chủ định của trẻ còn yếu, khả năng kiểm soát, điều khiển chú ý còn hạn chế. Ở giai đoạn này chú ý không chủ định chiếm ưu thế hơn chú ý có chủ định. Trẻ lúc này chỉ quan tâm chú ý đến những môn học, giờ học có đồ dùng trực quan sinh động, hấp dẫn có nhiều tranh ảnh, trò chơi hoặc có cô giáo xinh đẹp, dịu dàng,... Sự tập trung chú ý của trẻ còn yếu và thiếu tính bền vững, chưa thể tập trung lâu dài và dễ bị phân tán trong quá trình học tập. Ở cuối tuổi tiểu học trẻ dần hình thành kỹ năng tổ chức, điều chỉnh chú ý của mình. Chú ý có chủ định phát triển dần và chiếm ưu thế, ở trẻ đã có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập như học thuộc một bài thơ, một công thức toán hay một bài hát dài,... Lúc này, sự chú ý của trẻ đã bắt đầu xuất hiện giới hạn của yếu tố thời gian, trẻ đã định lượng được khoảng thời gian cho phép để làm một việc nào đó và cố gắng hoàn thành công việc trong khoảng thời gian quy định.

- Trí nhớ và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học: Loại trí nhớ trực quan hình tượng chiếm ưu thế hơn trí nhớ từ ngữ - lôgic. Giai đoạn lớp 1, 2 ghi nhớ máy móc phát triển tương

đối tốt và chiếm ưu thế hơn so với ghi nhớ có ý nghĩa. Nhiều học sinh chưa biết tổ chức việc ghi nhớ có ý nghĩa, chưa biết dựa vào các điểm tựa để ghi nhớ, chưa biết cách khái quát hóa hay xây dựng dàn bài để ghi nhớ tài liệu. Giai đoạn lớp 4,5 ghi nhớ có ý nghĩa và ghi nhớ từ ngữ được tăng cường. Ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ tích cực tập trung trí tuệ của các em, sức hấp dẫn của nội dung tài liệu, yếu tố tâm lý, tình cảm hay hứng thú của các em...

- Ý chí và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học: ở đầu tuổi tiểu học hành vi mà trẻ thực hiện còn phụ thuộc nhiều vào yêu cầu của người lớn (học để được bố cho đi ăn kem, học để được cô giáo khen, quét nhà để được ông cho tiền,...). Khi đó, sự điều chỉnh ý chí đối với việc thực thi hành vi ở các em còn yếu. Đặc biệt các em chưa đủ ý chí để thực hiện đến cùng mục đích đã đề ra nếu gặp khó khăn. Đến cuối tuổi tiểu học các em đã có khả năng biến yêu cầu của người lớn thành mục đích hành động của mình, tuy vậy năng lực ý chí còn thiếu bền vững, chưa thể trở thành nét tính cách của các em. Việc thực hiện hành vi vẫn chủ yếu phụ thuộc vào hứng thú nhất thời. Sự phát triển tình cảm của học sinh tiểu học: Tình cảm của học sinh tiểu học mang tính cụ thể trực tiếp và luôn gắn liền với các sự vật hiện tượng sinh động, rực rỡ,... Lúc này khả năng kiềm chế cảm xúc của trẻ còn non nớt, trẻ dễ xúc động và cũng dễ nổi giận, biểu hiện cụ thể là trẻ dễ khóc mà cũng nhanh cười, rất hồn nhiên vô tư... Vì thế có thể nói tình cảm của trẻ chưa bền vững, dễ thay đổi (tuy vậy so với tuổi mầm non thì tình cảm của trẻ tiểu học đã "người lớn" hơn rất nhiều. Trong quá trình hình thành và phát triển tình cảm của học sinh tiểu học luôn luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu: trẻ nhi đồng có thể xuất hiện các năng khiếu như thơ, ca, hội họa, kỹ thuật, khoa học,... khi đó cần phát hiện và bồi dưỡng kịp thời cho trẻ sao cho vẫn đảm bảo kết quả học tập mà không làm thui chột năng khiếu của trẻ. Sự phát triển nhân cách của học sinh tiểu học: nét tính cách của trẻ đang dần được hình thành, đặc biệt trong môi trường nhà trường còn mới lạ, trẻ có thể nhút nhát, rụt rè, cũng có thể sôi nổi, mạnh dạn... Sau 5 năm học, "tính cách học đường" mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Nhìn chung việc hình thành nhân cách của học sinh tiểu học

mang những đặc điểm cơ bản sau: nhân cách của các em lúc này mang tính chỉnh thể và hồn nhiên, trong quá trình phát triển trẻ luôn bộc lộ những nhận thức, tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ của mình một cách vô tư, hồn nhiên, thật thà và ngay thẳng; nhân cách của các em lúc này còn mang tính tiềm ẩn, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt, nếu có được tác động thích ứng chúng sẽ bộc lộ và phát triển; và đặc biệt nhân cách của các em còn mang tính đang hình thành, việc hình thành nhân cách không thể diễn ra một sớm một chiều, với học sinh tiểu học còn đang trong quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt vì thế mà nhân cách của các em sẽ được hoàn thiện dần cùng với tiến trình phát triển của mình.

Đánh giá độ tin cậy của các thang đo

Bảng 1: Hệ số tin cậy Alpha của từng tiểu trắc nghiệm trên mẫu (330) học sinh tiểu học trên địa bàn quận Tân Phú, TP.HCM

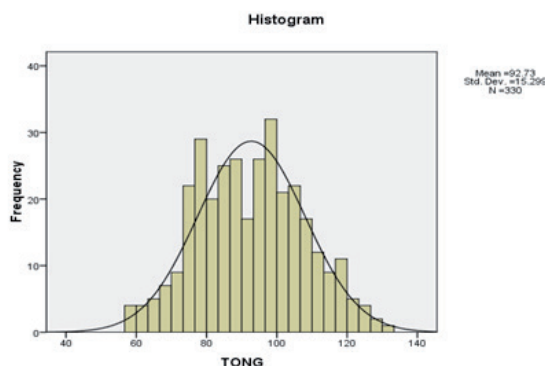
Các kỹ năng xã hội	Độ tin cậy Alpha
Hợp tác, kết bạn	0,70
Quyết đoán, tự khẳng định	0,71
Đồng cảm, chia sẻ	0,69
Kiểm chế, kiểm soát cảm xúc	0,71
Giải quyết vấn đề	0,71
Thích ứng hòa nhập với môi trường học tập mới	0,76
Thuyết phục	0,71

Đánh giá độ tin cậy của bộ công cụ này chúng tôi dùng phương pháp đánh giá độ phù hợp của từng item, sử dụng mô hình tương quan Alpha của Cronbach (Cronbach's Coefficient alpha): Mô hình này đánh giá độ tin cậy của phép đo dựa trên sự tính toán phương sai của từng item trong toàn phép đo và tính tương quan điểm của từng item với điểm của toàn bộ các item còn lại của phép đo. Số liệu bảng 1 cho thấy, mức độ tin cậy tính theo hệ số Alpha trên mẫu 330 học sinh tiểu học trên từng tiểu trắc nghiệm ở mức khá cao (hệ số α từ 0,69 đến 0,76). Hệ số tin cậy này rất phù hợp với mẫu chuẩn hóa trên học sinh Mỹ và trên mẫu học sinh được nghiên cứu ở Việt Nam trước đây.

Đánh giá tính chuẩn của phân phối điểm của thang đo kỹ năng thích ứng xã hội

Kết quả nghiên cứu thực trạng sự thích ứng

kỹ năng xã hội của học sinh được rút ra từ kết quả khảo sát trên 330 học sinh tiểu học quận Tân Phú. Điều kiện tiên quyết để có thể tính điểm trung bình, phương sai... và sử dụng các phép kiểm định khác trong thống kê là phân phối điểm của thang đo thích ứng xã hội trên mẫu nghiên cứu phải có dạng phân phối chuẩn. Kết quả đánh giá tính chuẩn của các phân phối điểm của thang đo thích ứng xã hội trên mẫu khảo sát 330 học sinh qua 2 phép thử Skewness và Kurtosis cho thấy chúng đều có trị số khá nhỏ (Skewness 0,098; Kurtosis -0,548). Điều này có nghĩa là đường cong phân phối điểm của thang đo thích ứng xã hội gần với đường cong chuẩn. Kết quả xem xét biểu đồ phân phối điểm của thang đo thích ứng xã hội (có gắn đường cong chuẩn) trên mẫu khảo sát 330 học sinh được trình bày ở biểu đồ 1 cho thấy tính chuẩn của phân phối này đảm bảo. Điều này cho phép dùng các phương pháp thống kê mô tả (tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn, phương sai...) và thống kê suy luận (phân tích hồi quy, phân tích yếu tố...) trên những số liệu của mẫu điều tra này để suy đoán, dự báo.



Biểu đồ 1: Phân phối điểm kỹ năng thích ứng xã hội có gắn đường cong chuẩn

4. Kết quả

Thực trạng về các kỹ năng thích ứng xã hội của học sinh tiểu học trên địa bàn nghiên cứu

Mỗi tiểu thang đo trong mô hình cấu trúc phép đo thích ứng xã hội, đều chọn 8 item, không item nào quá khó hoặc quá dễ. Cách tính điểm số của các item là giống nhau (mỗi item trả lời đúng nhất ở mức độ rất thường xuyên được 3 điểm, thường xuyên được 2 điểm, đôi khi là 1 điểm, không đúng là 0 điểm, ngoại trừ các item: 24, 26, 29, 30, 35, 36, 43, 44, 45, 51, 58, 60 được

thiết kế theo chiều “ngịch” nên phải đổi ngược lại điểm). Vậy có thể xem điểm trung bình cao

hay thấp ở các tiểu thang đo này cũng là điểm mạnh hay yếu về các năng lực xã hội tương ứng

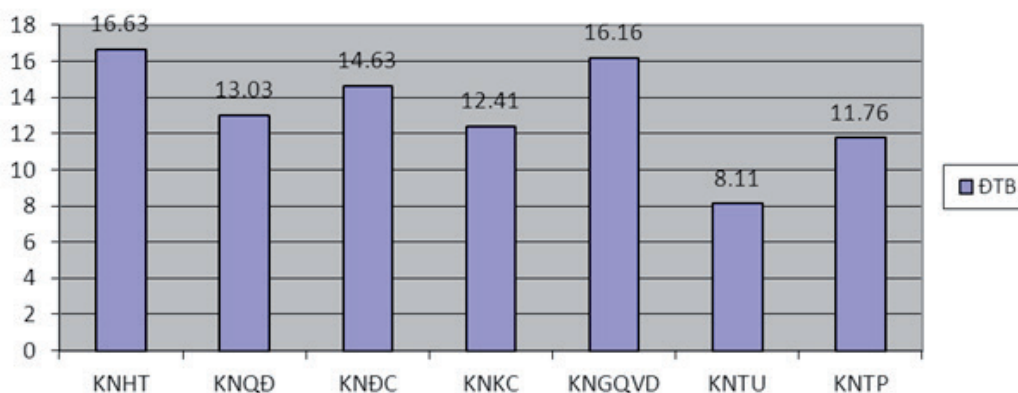
Bảng 2: Điểm trung bình trên 7 tiểu thang đo kỹ năng thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Kỹ năng	Mẫu (N)	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Điểm TB/ item
Kỹ năng hợp tác kết bạn (KNHT)	330	16,63	3,893	2,08
Kỹ năng quyết đoán, tự khẳng định (KNQĐ)	330	13,03	3,564	1,63
Kỹ năng đồng cảm, chia sẻ (KNĐC)	330	14,63	3,963	1,83
Kỹ năng kiểm chế, kiểm soát cảm xúc (KNKC)	330	12,41	2,934	1,77
Kỹ năng giải quyết vấn đề (KNGQVĐ)	330	16,16	3,401	2,02
Kỹ năng thích ứng hòa nhập với môi trường học tập mới (KNTU)	330	8,11	3,766	1,01
Kỹ năng thuyết phục (KNTP)	330	11,76	4,386	1,47
Tổng	330	92,73	15,299	1,69

Kết quả phân tích đánh giá điểm trung bình trên 7 tiểu thang đo kỹ năng thích ứng xã hội của học sinh tiểu học cho thấy điểm trung bình cao nhất thuộc về hai tiểu thang đo: Kỹ năng hợp tác (2,08 điểm/item) và Kỹ năng giải quyết vấn đề (2,02 điểm/item).

môi trường học tập mới (1,01 điểm/item). Trên toàn bộ thang đo, kỹ năng thích ứng với môi trường học tập mới có biểu hiện yếu nhất với điểm trung bình là 8,11. Đây cũng chính là nhóm kỹ năng mà học sinh tiểu học được khảo sát trên hai địa bàn có điểm yếu hoặc thiếu hụt. Kỹ năng hợp tác, kết bạn và kỹ năng giải quyết

vấn đề có điểm số trung bình cao nhất (16,63 và 16,16). Đây chính là những nhóm kỹ năng xã hội học sinh tiểu học có thể mạnh. Do đặc điểm tâm lý của lứa tuổi tiểu học, các em dễ chơi với bạn và cũng dễ giận hờn và sẵn sàng hợp tác nếu được khen hoặc động viên. Các em còn thể hiện sự đồng cảm và sẻ chia với người khác (ví dụ như bạn mình gặp khó khăn, các em giúp đỡ, đồng cảm với những nhân vật trong các câu chuyện cổ tích hay những người cô đơn, nghèo khổ mà các em được gặp). Điều này phản ánh đúng thực tế quan sát trên nhóm học sinh tiểu học.



Biểu đồ 2: Điểm trung bình trên 7 tiểu thang đo kỹ năng thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Đánh giá của giáo viên về sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học hiện nay

Nhận thức của giáo viên tiểu học về mức độ quan trọng của sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Các số liệu trong bảng cho thấy hầu hết giáo viên đều cho rằng sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học là rất quan trọng (85,4%), chỉ có 14,5% cho rằng quan trọng và không có ý kiến nào cho rằng không quan trọng. Vấn đề học sinh

tiểu học thích ứng được với các kỹ năng xã hội là rất cần thiết cho cuộc sống của các em ở hiện tại và trong tương lai. Điều đó giúp học sinh hoàn thiện hơn về mặt nhân cách và có kỹ năng ứng xử phù hợp trong quan hệ giao tiếp, trong giải quyết các vấn đề và mối quan hệ phù hợp.

Bảng 3: Đánh giá mức độ quan trọng về sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Các tham số	Mẫu (N)	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
Số lượng	55	47	8	0
%	100	85,4	14,5	0

Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự thích nghi xã hội của học sinh tiểu học trong nhà trường

Yếu tố khách quan: Qua nghiên cứu bằng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu, chúng tôi rút ra một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học như sau:

Bảng 4: Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Stt	Yếu tố	SL	%
1	Quan hệ bạn bè	15	27,3
2	Sự tác động của giáo viên trong quá trình dạy- học, mối quan hệ giao tiếp Thầy - Trò	23	41,8
3	Hoàn cảnh xã hội	8	14,5
4	Hoàn cảnh gia đình	7	12,7
5	Ý kiến khác	2	3,6
	Tổng	55	100

Đa số ý kiến của giáo viên cho rằng: Sự tác động của giáo viên trong quá trình dạy- học, mối quan hệ giao tiếp Thầy - Trò (41,8%) có ảnh hưởng đến sự thích ứng xã hội của học sinh. Bởi do đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi này luôn luôn coi thầy cô là hình mẫu lý tưởng để phấn đấu, do đó học sinh nhất nhất nghe lời thầy cô thậm chí các em nghe lời thầy cô hơn bố mẹ và những người lớn trong gia đình. Thầy, cô trang bị cho học sinh kỹ năng xã hội, học sinh lĩnh hội, rèn luyện theo sự hướng dẫn của thầy cô. Như vậy, vai trò của giáo viên trong sự hình thành kỹ năng xã hội cho học sinh là rất lớn. Thứ hai là quan

hệ bạn bè (27,3%) cũng ảnh hưởng đến sự thích ứng xã hội của các em. Ở lứa tuổi này các em vẫn còn sự bắt chước lẫn nhau, các em thường hay bị ảnh hưởng của nhau, chơi với những bạn có hành vi hay cách ứng xử tốt, đứa trẻ thường hay tập nhẫm của nhau và ngược lại. Do đó, đây cũng là yếu tố quan trọng đối với sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học. Ngoài ra hoàn cảnh xã hội (14,5%) và hoàn cảnh gia đình (12,7%) cũng có tác động đến sự thích ứng xã hội của trẻ như một môi trường gia đình hòa thuận, hạnh phúc hay một xã hội lành mạnh làm cho trẻ có những hành vi ứng xử hay mối quan hệ tốt đẹp hơn.

Yếu tố chủ quan

Bảng 5: Những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Stt	Yếu tố	SL	%
1	Hoạt động và giao tiếp của trẻ	37	67,3
2	Sự phát triển của cơ thể, đặc biệt của hệ thần kinh và vận động	8	14,5
3	Sự phát triển về tâm lý đặc biệt sự phát triển về nhận thức	9	16,4
4	Ý kiến khác	1	1,8
	Tổng	55	100

Yếu tố chủ quan là yếu tố xuất phát từ chính học sinh như: hoạt động cá nhân; sự phát triển cơ thể; sự phát triển về tâm lý;... Từ bảng số liệu ta thấy yếu tố hoạt động cá nhân (67,3%) được giáo viên đánh giá là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự thích ứng tâm lý của học sinh tiểu học, nó quyết định trực tiếp. Vì chỉ có hoạt động, cá nhân mới lĩnh hội được nội dung và phương thức của hành vi thích ứng cũng như các phẩm chất tâm lý cần có để làm chủ được các hành vi này. Sự luyện tập hành vi trong hoạt động là đặc biệt quan trọng vì hành vi thích ứng có tính khái quát, là kết quả của quá trình luyện tập của cá nhân trong những tình huống giống hoặc khác nhau. Yếu tố sự phát triển về tâm lý (15,4%) đặc biệt là sự phát triển nhận thức cũng có ảnh hưởng đến sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học. Bởi vì những cấu tạo tâm lý đã được hình

thành là điều kiện hình thành khả năng thích ứng ở mỗi cá nhân. Sự phát triển của cơ thể (14,5%) cũng ảnh hưởng phần nhỏ đến khả năng thích ứng xã hội của học sinh. Đặc biệt là hệ thần kinh và vận động, sự thuần thục của cấu trúc và hoạt động của hệ thần kinh, sự phát triển khả năng vận động

là điều kiện vật chất để cá nhân có thể tiếp nhận và thực hiện được những hành vi mới, thích ứng được với điều kiện sống và hoạt động mới.

Những cách thức giáo viên đã sử dụng nhằm nâng cao sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Bảng 6: Những cách thức giáo viên đã sử dụng nhằm nâng cao sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học

Stt	Mẫu (N)	Mức độ sử dụng						
		Thường xuyên		Đôi khi		Ít khi		Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	
1	Lắng nghe và tôn trọng cảm xúc của trẻ	22	40,0	27	49,1	6	10,9	9
2	Dạy trẻ biết quản lý cảm xúc	25	45,5	21	38,2	9	16,4	8
3	Động viên, khuyến khích, khen ngợi trẻ mỗi khi trẻ đạt thành tích ở một lĩnh vực nào đó	35	63,6	15	27,3	5	9,1	2
4	Luôn quan tâm đến học tập và các mối quan hệ của trẻ	27	49,1	24	43,6	4	7,3	6.5
5	Nên phản ứng phù hợp trước những hành vi xấu, suy nghĩ, và kết quả nhất quán trong việc giáo dục trẻ	19	34,5	28	50,1	8	14,5	10
6	Cho học sinh có sự lựa chọn	10	18,2	17	30,9	28	50,9	13
7	Nói về kế hoạch và các khó khăn trong buổi liên hoan văn nghệ	11	20,0	26	47,3	18	32,7	12
8	Nên kể cho học sinh nghe những câu chuyện mang tính giáo dục	27	49,1	23	41,8	5	9,1	6.5
9	Cho trẻ cơ hội tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể	40	72,7	12	21,8	3	5,5	1
10	Nói cho học sinh biết về những gì bạn muốn dạy cho chúng	13	23,6	31	56,4	11	20,0	11
11	Dạy trẻ biết đồng cảm, hiểu được cảm xúc của người khác	29	52,7	13	23,6	13	23,6	4
12	Giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định bao gồm cả việc giải quyết mâu thuẫn	9	16,4	14	25,5	32	58,2	14
13	Khuyến khích trẻ nói ra những điều trong lòng và giúp hình thành quan điểm cho trẻ.	30	54,5	17	30,9	8	14,5	3
14	Giúp trẻ phát triển các mối quan hệ xã hội tích cực	28	50,9	17	30,9	10	18,2	5

Từ bảng số liệu ta thấy có rất nhiều cách để giáo viên có thể sử dụng nhằm nâng cao khả năng thích ứng xã hội cho học sinh tiểu học. Trong đó những cách thức sau được giáo viên thường xuyên sử dụng tác động đó là: thứ nhất cho trẻ cơ hội tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể (72,7%); thứ hai động viên, khuyến khích, khen ngợi trẻ mỗi khi trẻ đạt thành tích ở một lĩnh vực nào đó (63,6%); thứ ba khuyến khích trẻ nói ra

những điều trong lòng và giúp hình thành quan điểm cho trẻ (54,5%), và thứ tư dạy trẻ biết đồng cảm, hiểu được cảm xúc của người khác (52,7%). Trước tiên cho trẻ cơ hội tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể hoặc đến những nơi mà trẻ có thể học hỏi được những điều hay sẽ giúp trẻ mở rộng mối quan hệ, tự tin tham gia các hoạt động, biết hợp tác và làm việc nhóm. Điều này giúp trẻ có khả năng thích ứng được

với kỹ năng xã hội: kỹ năng hợp tác, kết bạn; kỹ năng quyết đoán, tự khẳng định; và tự lập trong hoạt động... Đồng thời giáo viên luôn động viên khuyến khích trẻ thường xuyên đó cũng là một cách giúp trẻ tự tin hơn trong cuộc sống sinh hoạt và học tập. Khuyến khích trẻ nói ra những điều trong lòng và giúp hình thành quan điểm cho trẻ. Hãy để chúng biết lắng nghe ý kiến của những người xung quanh và dẫn dắt chúng để chúng biết lựa chọn đúng đắn. Đó cũng là điều tốt cốt yếu trong việc giáo dục trẻ mà bất kỳ người giáo viên nào cũng nên làm. Giáo viên dạy trẻ biết đồng cảm, hiểu được cảm xúc của một người và có thể nhận biết và phản ứng một cách nhạy cảm trước những cảm xúc của người khác. Điều này giúp trẻ có được sự đồng cảm, chia sẻ với những người xung quanh, ngược lại trẻ cũng nhận được sự chia sẻ từ phía người khác. Ngoài ra những cách thức khác giúp trẻ có được khả năng thích ứng xã hội như giúp trẻ phát triển các mối quan hệ xã hội, quan tâm đến việc học tập và kể cho học sinh nghe những câu chuyện mang tính giáo dục, dạy trẻ biết quản lý cảm xúc (biết cách kiềm chế những cảm giác mạnh như lo âu, thất vọng, tức giận, trước khi bị những cảm xúc đó nhấn chìm) cũng là những cách thức tác động tích cực giúp trẻ có sự thích ứng xã hội.

5. Giải pháp nâng cao sự thích ứng xã hội cho học sinh tiểu học trong nhà trường

Thực tế khảo sát cho thấy, ở một số kỹ năng xã hội học sinh có số điểm chưa cao: kỹ năng thích ứng hòa nhập với môi trường học tập mới; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng kiềm chế, kiểm soát cảm xúc, nên nhà trường cần tăng cường giáo dục và rèn luyện kỹ năng này giúp học sinh tiến bộ hơn.

Nhà trường cần tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội: tham quan, dã ngoại, sinh hoạt hè,... để học sinh có cơ hội rèn luyện cách ứng xử và giải quyết các vấn đề,... với nhiều hoàn cảnh khác nhau trong cuộc sống. Bên cạnh đó, nhà trường cần phối hợp với các trung tâm giáo dục kỹ năng sống, biên soạn hoặc chuyển giao chương trình giáo dục kỹ năng thích ứng xã hội cho học sinh tiểu học.

Nhà trường đặc biệt là các thầy cô giáo cũng phải là những tấm gương mẫu mực hay là thước

đo chuẩn mực cho học sinh noi theo. Giáo viên cũng như người cha, người mẹ hình thành cho trẻ những kỹ năng cơ bản, tạo cho trẻ niềm tin và thói quen tốt để trẻ duy trì. Với trẻ tiểu học, việc hình thành những kỹ năng thích ứng xã hội phải đi từ dễ đến khó thì trẻ mới dễ dàng thích ứng.

Hãy để trẻ tự thể hiện và bày tỏ quan điểm của trẻ, không nên gò ép trẻ vào khuôn khổ vì mỗi trẻ có một đặc điểm riêng không ai giống ai. Mà giáo viên nên định hướng tốt - xấu để trẻ tự nhận thức được vấn đề.

Thông qua các môn học trong nhà trường: Khoa học tự nhiên và xã hội; Kể chuyện; Âm nhạc; Mỹ thuật; Đạo đức,... giáo viên có thể liên hệ và giáo dục kỹ năng cho trẻ.

Hãy hướng dẫn tích cực và thúc đẩy tính kỷ luật tự chủ, dạy trẻ về trách nhiệm, và giúp trẻ đưa ra những lựa chọn có suy nghĩ. Cho trẻ sự lựa chọn, bất cứ khi nào có thể thực hành trong việc ra quyết định.

6. Kết luận

Về thực trạng: Sự thích ứng xã hội của học sinh tiểu học trong nhà trường đang là một trong những vấn đề nóng của xã hội ta ngày nay, trẻ thích ứng xã hội dần sẽ hình thành kỹ năng sống cho riêng mình sao cho chuẩn mực của xã hội. Sự thích ứng xã hội chính là khả năng điều chỉnh để có những hành vi thích hợp trong mối quan hệ với người khác, giúp các cá nhân đáp ứng một cách có hiệu quả những nhu cầu và thách thức của cuộc sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh tiểu học trên địa bàn quận Tân Phú còn hạn chế trong việc thích ứng xã hội để thành công học đường. Đặc biệt một số các kỹ năng trẻ còn hạn chế như: kỹ năng hòa nhập với môi trường học tập mới, kỹ năng kiềm chế kiểm soát cảm xúc. Nguyên nhân chủ quan dẫn tới hạn chế trong sự thích ứng đó là do hoạt động và giao tiếp của các em chưa chủ động tích cực. Hoạt động và giao tiếp là yếu tố quan trọng giúp trẻ thích ứng xã hội một cách tốt nhất. Đồng thời yếu tố tương tác giữa thầy và trò cũng là một yếu tố quan trọng giúp trẻ thích ứng xã hội nhanh và hiệu quả.

Về giải pháp: Việc rèn luyện cho học sinh tiểu học những kỹ năng xã hội cơ bản giúp học sinh ý thức về giá trị bản thân mình và giá trị của người khác. Giúp học sinh hình thành được

những thói quen tốt, những lối ứng xử phù hợp với từng hoàn cảnh trong cuộc sống luôn luôn thay đổi. Từ việc giáo dục và rèn luyện cho học sinh những kỹ năng xã hội sẽ giúp học sinh có sự nhận thức, có thái độ và từ đó có những hành vi đúng chuẩn mực, góp phần thúc đẩy sự phát triển bản thân và xã hội. Đồng thời đẩy lùi được các vấn đề tiêu cực trong xã hội như bạo lực học đường, khó khăn học đường,... phát triển tiềm

năng cá nhân học sinh, xây dựng các mối quan hệ xã hội và môi trường sống tốt đẹp hơn. Thông qua các môn học trong nhà trường: đạo đức, giáo dục công dân, hát nhạc, mỹ thuật,... giúp trẻ hình thành được một số kỹ năng cơ bản để thích ứng xã hội tốt hơn. Ngoài ra nhà trường cần phối hợp với gia đình trong việc giúp trẻ nâng cao sự thích ứng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chương trình dịch bản quyền của Mỹ (2010), *Mục tiêu và những bài học cuộc sống*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường City Smart Việt Nam.
- [2] Diane Tillman, Diana Hsu (2010), *Những giá trị sống dành cho trẻ từ 7- 12 tuổi*, NXB Trẻ, TP.HCM.
- [3] Nguyễn Công Khanh (2004), “Nghiên cứu kỹ năng xã hội ở lứa tuổi học sinh THCS”, *Tạp chí Thông tin KHGD* số 108.
- [4] Phan Quốc Lâm (2000), *Sự thích ứng với hoạt động học tập của học sinh lớp 1*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Đức Hưởng (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB Đại học Sư phạm.